TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 180/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 11 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 143; khoản 2 Điều 146; Điều 149; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 154/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2023, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Thị Huỳnh T, sinh năm 1993;
   Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ông Tiền Tuấn K, sinh năm: 1987;
   Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K thật sự tự nguyện ly hôn. Quá trình chung sống giữa bà T và ông K có 01 (một) con chung tên Tiền Tiểu M (nữ), sinh ngày 17/10/2020; đôi bên thống nhất sau khi ly hôn, giao con chung tên Tiền Tiểu My (nữ), sinh ngày 17/10/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng một tháng). Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K cùng tự khai đôi bên không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy sự thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 03 tháng 7 năm 2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K cùng thống nhất giao con chung là trẻ Tiền Tiểu M (nữ), sinh ngày 17/10/2020 cho bà T trực tiếp nuôi

dưỡng đến khi trưởng thành. Ông Tiền Tuấn K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng một tháng) từ ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi hoặc khi có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K cùng khai đôi không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K cùng khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Lệ phí hôn nhân và gia đình:

Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010703 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Tiền Tuấn K đã đóng đủ lệ phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận 5;
- UBND Phường B, Quận 5, Tp.HCM;
- Chi Cục THADS Quận 5;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Ngọc Bích